

BÁO CÁO

Kết quả cải cách thủ tục hành chính từ 01/01/2021 đến 15/3/2024

Thực hiện Công văn số 1063/SNNPTNT-VP ngày 19/3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị (theo văn bản chỉ đạo số 1358/UBND-TTHC ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh).

Chi cục Kiểm lâm báo cáo tình hình kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/3/2024 tại Chi cục như sau:

I. Khái quát về công tác cải cách TTHC:

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/3/2024 các TTHC của Chi cục thường xuyên phát sinh, Chi cục đã rà soát, tham mưu công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo quy định của pháp luật; công bố công khai tất cả các quy định liên quan đến TTHC; Tiếp nhận toàn bộ TTHC qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Giải quyết tất cả các hồ sơ TTHC đúng hạn và trước hạn.

Tổng số hồ sơ Chi cục đã tiếp nhận giải quyết từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/3/2024 là 195 hồ sơ (trong đó có 49 hồ sơ nộp trực tuyến); giải quyết trước hạn là 180 hồ sơ, đúng hạn là 7 hồ sơ, hồ sơ xin rút 3; hồ sơ đang giải quyết 05; không có hồ sơ nào giải quyết quá hạn.

Trong thời gian qua Chi cục không có trường hợp khiếu nại, tố cáo phản ánh về giải quyết TTHC.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về cải cách quy định TTHC

a) Về kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

- Cung cấp thông tin, số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý/ thẩm quyền giải quyết và kết quả đánh giá tác động, thẩm định TTHC tại các dự án, dự thảo VBQPPL

(theo mẫu tại Mục I, II Phụ lục kèm theo).

b) Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

- Những vướng mắc, bất cập về quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan/ thẩm quyền giải quyết của địa phương: Không

- Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện (*theo quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương*): Theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ Ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính phủ (*Về công tác CCHC Quý II/2023, tình hình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm; lưu ý tập trung xem xét kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị tại Mục X.2 và XI của Phụ lục I đính kèm Báo cáo số 4909/BC-VPCP của Văn phòng Chính phủ*); Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện các quy định trên Chi cục Kiểm lâm đã có báo cáo số 499/BC-CCKL ngày 20/7/2022 Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022: đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết.

- Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm: Không
- Giải pháp trong thời gian tới: Tiếp tục
- Đề xuất, kiến nghị (*với Quốc hội, Chính phủ*): Không
- Cung cấp thông tin, số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 và thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương

(*theo mẫu tại Mục III Phụ lục kèm theo*).

c) Về phân cấp trong giải quyết TTHC

- Những vướng mắc, bất cập về quy định liên quan đến thẩm quyền giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan/ thẩm quyền giải quyết của địa phương: Không

- Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện: Chi cục Kiểm lâm đã thực hiện rà soát đề nghị phân cấp TTHC. Thực hiện tham mưu cấp có thẩm quyền công bố các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT đúng quy định.

- Kết quả xử lý (*theo thẩm quyền và đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý*): Phối hợp với Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/02/2024 về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh sang mục đích khác.

- Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm: không
- Giải pháp trong thời gian tới: Tiếp tục

- Đề xuất, kiến nghị (với *Quốc hội, Chính phủ*): Không (theo mẫu tại Mục IV Phụ lục kèm theo).

d) Về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ: Không

đ) Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến quản lý dân cư :

(theo mẫu tại Mục VI Phụ lục kèm theo).

2. Về cải cách việc thực hiện TTHC

a) Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được tiếp nhận, xử lý thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

- Giải pháp trong thời gian tới: Tiếp tục

- Đề xuất, kiến nghị (với *Quốc hội, Chính phủ*). Không

b) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Kết quả thực hiện: Hiện nay đã thực hiện số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC; Chi cục đang triển khai thống kê số hóa hồ sơ kết quả TTHC bản giấy đang còn hiệu lực theo sự chỉ đạo của Sở.

- Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Không

- Mô hình thí điểm (nếu có): Không

- Giải pháp trong thời gian tới: Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, đề nghị cấp có thẩm quyền tập huấn về công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cho các công chức làm nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết, kiểm soát TTHC.

- Đề xuất, kiến nghị (với *Quốc hội, Chính phủ*). Không

c) Về theo dõi, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Kết quả thực hiện: Kết quả mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%, trong đó mức rất hài lòng và hài lòng đạt 94,28%, mức bình thường đạt 5,53%.

- Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Mặc dù qua đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, người dân: trên 90%; mức độ không hài lòng: không; Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến chưa cao.

- Mô hình thí điểm: Không.

- Giải pháp trong thời gian tới: Trong thời gian đến tuyên truyền, hướng dẫn người cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến đối với các TTHC được quy định tại Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đề xuất, kiến nghị: không.

3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị

- Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và nâng cao trách nhiệm giải trình, phản ứng chính sách.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC: Từ năm 2021 đến 15/3/2024 Chi cục Kiểm lâm chưa phát sinh phản ánh kiến nghị của các tổ chức, cá nhân về TTHC.

(Số liệu chi tiết tại Mục VII Phụ lục kèm theo Báo cáo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính với các nhiệm vụ trọng tâm:

- Xây dựng kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính và triển khai thực hiện có hiệu quả phân đầu tất cả các TTHC đều giải quyết đúng hạn và trước hạn.

- Thường xuyên rà soát tham mưu công bố các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ đúng quy định.

- Nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; Thực hiện niêm yết và đăng tải công khai, minh bạch TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau; Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

- Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được tiếp nhận, xử lý thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ

- Tiếp tục tuyên truyền để đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Quốc hội: Không

2. Với Chính phủ: Không

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT Q.Ngãi;
- Lãnh đạo CCKL;
- Các Phòng;
- Lưu: VT, TC (Nam).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Khánh Ngọc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCKL ngày 22 tháng 3 năm 2024
của Chi cục Kiểm lâm)

I. Số lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý/thẩm quyền giải quyết

Số lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý/ thẩm quyền giải quyết				
Tổng số	Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
15		15		

II. Đánh giá tác động, thẩm định TTHC tại các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

[illegible]

III. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020: Không

[illegible]

IV. Kết quả phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/NQ-CP ngày 30/8/2022

Số TTHC phải phân cấp		Số VBQPPL phải sửa đổi, bổ sung		Số TTHC đã phân cấp		Số VBQPPL đã sửa đổi, bổ sung		Số TTHC còn phải phân cấp		Số VBQPPL còn phải sửa đổi, bổ sung	
Phân cấp giữa các cấp hành chính khác nhau	Phân cấp trong nội bộ Bộ, cơ quan	Thẩm quyền QH, UB TVQH ¹	Thẩm quyền CP, TTgCP, Bộ trưởng, thủ trưởng CQNB	Phân cấp giữa các cấp hành chính khác nhau	Phân cấp trong nội bộ Bộ, cơ quan	Thẩm quyền QH, UB TVQH	Thẩm quyền CP, TTgCP, Bộ trưởng, thủ trưởng CQNB	Phân cấp giữa các cấp hành chính khác nhau	Phân cấp trong nội bộ Bộ, cơ quan	Thẩm quyền QH, UB TVQ H	Thẩm quyền CP, TTgCP, Bộ trưởng, thủ trưởng CQNB

Danh mục TTHC đã phân cấp

STT	Tên TTHC	Loại phân cấp		Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên VB phân cấp TTHC	Ghi chú
		Giữa các cấp hành chính khác nhau	Trong nội bộ bộ, cơ quan		

¹ Trường hợp TTHC phân cấp phải sửa cả văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ thì tính là văn bản sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

V. Kết quả công bố, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/NQ-CP ngày 15/9/2022

1. Bộ, cơ quan ngang bộ

Kết quả công bố danh mục TTHC nội bộ				Kết quả rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ					Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ			
Tổng số	Số TTHC nội bộ nhóm A	Số TTHC nội bộ nhóm B	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên văn bản công bố danh mục ²	TTHC nội bộ nhóm A			TTHC nội bộ nhóm B		TTHC nội bộ nhóm A		TTHC nội bộ nhóm B	
				Số TTHC đã trình TTgCP dự thảo Quyết định phê duyệt PA ĐGH/ tổng số TTHC được rà soát	Số VB phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để thực thi PA ĐGH	Số TTHC đã được Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt PA ĐGH/ tổng số TTHC được rà soát	Số VB phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để thực thi PA ĐGH	Số TTHC đã được cắt giảm, ĐGH/ tổng số TTHC đã được phê duyệt PA ĐGH	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên văn bản ban hành để ĐGH ³	Số TTHC đã được cắt giảm, ĐGH / tổng số TTHC đã được phê duyệt PA ĐGH	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên văn bản ban hành để ĐGH ⁴	

Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ:

STT	Tên TTHC nội bộ	Kết quả rà soát, ĐGH		Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC/TT HC được cắt giảm, ĐGH ⁵	Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC trên tổng số TTHC đã được rà soát ⁶	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên VB phê duyệt phương án ĐGH/ thực thi phương án ĐGH	Ghi chú
		Đã được phê duyệt phương án ĐGH	Đã hoàn thành thực thi phương án ĐGH				
I	TTHC nội bộ nhóm A						
II	TTHC nội bộ nhóm B						

² Thống kê đầy đủ số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên các văn bản công bố TTHC nội bộ.

³ Thống kê đầy đủ số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên các văn bản sửa đổi, bổ sung để đơn giản hóa TTHC nội bộ.

⁴ Thống kê đầy đủ số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên các văn bản sửa đổi, bổ sung để đơn giản hóa TTHC nội bộ.

⁵ Diễn tỷ lệ cắt giảm của từng TTHC

⁶ Tính trên tổng số TTHC đã được rà soát và được cấp có thẩm quyền phê duyệt/thực thi phương án ĐGH (chia theo 02 loại TTHC nội bộ: nhóm A và nhóm B).

--	--	--	--	--	--	--	--

2. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Kết quả công bố danh mục TTHC nội bộ		Kết quả rà soát, phê duyệt phương án ĐGH TTHC nội bộ		Kết quả thực thi phương án ĐGH TTHC nội bộ	
Tổng số	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên văn bản công bố danh mục ⁷	Số TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt PA ĐGH/ tổng số TTHC được rà soát	Số VB phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới	Số TTHC đã được cắt giảm, ĐGH / tổng số TTHC đã được phê duyệt PA ĐGH	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên văn bản ban hành để ĐGH ⁸

Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ: Không

S TT	Tên TTHC nội bộ	Kết quả rà soát, ĐGH		Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC/ TTHC được cắt giảm, ĐGH ⁹	Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC trên tổng số TTHC đã được rà soát ¹⁰	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên VB phê duyệt phương án ĐGH/ thực thi phương án ĐGH	Ghi chú
		Đã được phê duyệt phương án ĐGH	Đã hoàn thành thực thi phương án ĐGH				
I	TTHC nội bộ nhóm A						
II	TTHC nội bộ nhóm B						

⁷ Thống kê đầy đủ số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên các văn bản công bố TTHC nội bộ.

⁸ Thống kê đầy đủ số, ký hiệu, ngày tháng năm, tên các văn bản sửa đổi, bổ sung để đơn giản hóa TTHC nội bộ.

⁹ Điền tỷ lệ cắt giảm của từng TTHC

¹⁰ Tính trên tổng số TTHC đã được rà soát và được cấp có thẩm quyền phê duyệt/ thực thi phương án ĐGH.

VI. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến quản lý dân cư

Số lượng TTHC liên quan đến quản lý dân cư			Số lượng VBQPPL liên quan đến quản lý dân cư									
Tổng số	Đã cắt giảm, đơn giản hóa	Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa	Đã được sửa đổi, bổ sung					Cần sửa đổi, bổ sung				
			Tổng số	Luật/Pháp lệnh	Nghị định	QĐ của TTgCP	Thông tư/TTLT	Tổng số	Luật/Pháp lệnh	Nghị định	QĐ của TTgCP	Thông tư/TTLT

VII. Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC: Không

Số lượng phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận			Số lượng phản ánh, kiến nghị đã xử lý		
Tổng số	Về quy định, TTHC	Về hành vi trong giải quyết TTHC	Tổng số	Về quy định, TTHC	Về hành vi trong giải quyết TTHC